**CÁC VĂN KIỆN CỦA GIÁO HỘI**

**LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN**

**Công đồng Vatican II**

1. Perfectae Caritatis (PC): The Decree on the Renewal of Religious Life (Sắc lệnh “Đức ái trọn hảo”, nói về việc canh tân và thích nghi đời tu). PC đưa ra những nguyến tắc hướng dẫn công cuộc canh tân. PC nhắm tới 2 mục tiêu chính sau đây:

- Thúc đẩy sự canh tân tinh thần của tất cả các tu sĩ.

- Thích nghi đời tu vào bối cảnh hiện tại. Sự canh tân này cần dựa trên những nguyên tắc thần học nền tảng của chính đời tu. Vì vậy, trong văn kiện này, công đồng muốn trình bày các chiều kích của toàn thể đời tu, cũng như của các lời khuyên Phúc âm như: chiều kích Kitô, Thần khí, Giáo hội, nước trời mai hậu.

Văn kiện gồm 25 số, không có phân chương mục. Ngoài lời mở và kết luận, sắc lệnh bàn đến việc canh tân dưới 5 khía cạnh: những nguyên tắc canh tân, canh tân nội tâm, canh tân tùy theo mỗi hình thức tu trì, canh tân các yếu tố cốt yếu, canh tân một số điểm cụ thể.

Mở đầu (số 1): ý nghĩa và giá trị của đời tu trong Giáo hội.

1. Những nguyên tắc hướng dẫn việc canh tân:

a. Năm nguyên tắc lý thuyết (số 2): đi theo Đức Kitô như tiêu chuẩn tối hậu của đời tu; trung thành với tinh thần, ý định của đấng sáng lập; tham dự vào đời sống Giáo hội hôm nay; tìm hiểu và thích nghi vào hoàn cảnh thế giới hiện đại; canh tân đời sống thiêng liêng của mỗi người.

b. Ba lãnh vực cần phải canh tân thích nghi (số 3): lối sinh sống, cầu nguyện, hoạt động; cách thức quản trị; hiến pháp và qui luật.

c. Những người có trách nhiệm canh tân thích nghi (số 4): tất cả mọi phần tử, các bề trên và Tu nghị.

2. Việc canh tân cá nhân

a. Những yếu tố chung cho hết mọi hình thức tu trì (số 5): Tận hiến cho Thiên Chúa, phục vụ Giáo hội, thông dự vào mầu nhiệm Vượt qua, lấy Đức Kitô làm trung tâm cuộc đời, vừa chiêm niệm vừa hoạt động.

b. Những nguồn mạch của đời sống thiêng liêng (số 6): vun trồng lòng mến; cầu nguyện, suy niệm Lời Chúa, cử hành phụng vụ.

3. Việc canh tân tùy theo mỗi hình thức tu trì

a. Các dòng thuần túy chiêm niệm (số 7)

b. Các dòng hoạt động tông đồ (số 8)[1]

c. Các dòng đan tu, kinh sĩ, hành khất (số 9)

d. Các dòng không làm giáo sĩ (số 10)

e. Các tu hội đời (số 11)

4. Canh tân những yếu tố cốt yếu

a. Khiết tịnh (số 12)

b. Khó nghèo (số 13)

c. Vâng lời (số 14)

d. Đời sống chung (số 15)

5. Chín điểm cụ thể

a. Nội vi dòng kín (số 16)

b. Tu phục (số 17)

c. Huấn luyện các phần tử (số 18)

d. Việc thành lập dòng mới (số 19)

e. Việc duy trì, đổi mới và từ bỏ một số công tác (số 20)

f. Các dòng và đan viện đang kiệt quệ (số 21)

g. Liên hiệp giữa các dòng và đan viện (số 22)

h. Hiệp hội các bề trên cao cấp (số 23)

i. Cổ động ơn gọi (số 24)

Việc dung hòa giữa trung thành với sự thích nghi và canh tân không dễ dàng. Những năm sau công đồng Vatican II đã cho thấy những khó khăn đó: nhiều dòng đan tu muốn lấy lại ơn gọi nguyên thủy không có chức linh mục của mình; trái lại, một số dòng giáo dân (nam) lại muốn chuyển hướng sang dòng giáo sĩ. Bên Âu Mỹ, nhiều dòng đã bỏ các cơ sở giáo dục và y tế, vì không còn thích hợp, để tìm những cách thức mới phục vụ người nghèo.[2]

2. Lumen Gentium: Dogmatic Constitution on the Church (Hiến chế tín lý về Hội thánh), chương VI: Công đồng cho thấy vị trí của đời tu trong mầu nhiệm Giáo hội. Sau khi nói tới Hội thánh như là một mầu nhiệm, xuất phát từ kế hoạch tình thương của Ba Ngôi Thiên Chúa (chương I), công đồng trình bày Hội thánh như dân Thiên Chúa trong giòng lịch sử (chương 2). Các tu sĩ không thuộc về cơ chế phẩm trật của Giáo hội (chương III) hoặc hàng ngũ giáo dân (chương IV), nhưng được xếp vào bản chất thánh thiện (chương V) và cánh chung (chương VI) của Giáo hội.

Sau khi trình bày mầu nhiệm và cơ chế phẩm trật của Giáo hội trong 4 chương đầu, ở chương V, công đồng bàn đến ơn gọi nên thánh của mọi Kitô hữu. Mọi Kitô hữu đều được kêu gọi nên thánh tùy theo địa vị, bậc sống của mình (số 41). Việc nên thánh bao hàm sự thực hành đức ái, và cách riêng là thực hành các lời khuyên Phúc âm dưới một hình thức nào đó (số 42). Chính trong bối cảnh đó, nghĩa là bổn phận nên thánh, mà công đồng bàn về các tu sĩ (chương VI). Sự nên thánh hệ tại việc kết hợp với Thiên Chúa qua đức ái, mục tiêu này đạt tới mức độ viên mãn nơi các thánh trên trời (chương VII), mà đức Maria là một tiêu biểu rạng rỡ nhất (chương VIII). Các tu sĩ không thuộc về cơ cấu phẩm trật của Giáo hội, nhưng gắn liền với sự thánh thiện của Giáo hội. Các tu sĩ ở đây bao gồm tất cả những ai tuyên giữ các lời khuyên Phúc âm với lời khấn hay “dây ràng buộc thánh khác” (số 44). Bố cục chương VI như sau:

- Số 43: Hàng ngũ những người tuyên giữ ba lời khuyên Phúc âm trong Giáo hội.

- Số 44: Bản chất thần học của đời tu: dâng mình cho Chúa để phụng sự Ngài và đồng thời phục vụ sứ mệnh của Giáo hội. Các tu sĩ đóng vai trò “dấu chỉ và chứng tá” trong Giáo hội: họ làm sống lại lối sống tại thế của Đức Kitô, họ nêu cao giá trị siêu việt của nước Chúa, họ bày tỏ quyền năng của Thánh Thần tác động trong Giáo hội, họ thúc đẩy mọi người tiến về đường trọn lành, cũng như nhắc nhở toàn thể dân Chúa hướng về cứu cánh mai hậu của mình.

- Số 45: Mối liên hệ giữa hàng giáo phẩm và hàng ngũ tu trì. Giáo hội nhìn nhận và phê chuẩn các bản Lề luật của các hội dòng. Giáo hội đứng ra chấp nhận lời khấn của các tu sĩ và dâng hiến họ cho Thiên Chúa.

- Số 46: Giá trị cao qúi của bậc tu trì. Họ kéo dài sự hiện diện của Đức Kitô giữa lòng nhân loại: họ thăng tiến các giá trị nhân bản và góp phần vào việc kiến thiết một xã hội nhân đạo hơn.

- Số 47: khuyến khích các tu sĩ hãy bền đỗ trong ơn gọi.

Tóm lại, LG trình bày đời sống thánh hiến dưới khía cạnh thần học, lồng trong mầu nhiệm của Hội thánh.

Trong hai văn kiện trên, công đồng cố gắng trình bày nội dung thần học phong phú của đời tu, vượt lên trên quan niệm nặng về pháp lý đã có trước đó. Cách chung, công đồng muốn nêu bật 2 khía cạnh sau:

- Đời tu nằm trong bản chất của Hội thánh. Tuy rằng các hình thức tu trì dần dần xuất hiện trong giòng lịch sử của Hội thánh, nhưng không thể coi nó như cái gì phụ thuộc, bên ngoài. Nền tảng của đời tu chính là Phúc âm sống, nghĩa là việc bắt chước gương sống của Đức Kitô, họa lại cuộc sống của Ngài và mang ra thực hành những gì Ngài đã giảng dạy, cách riêng trong bài giảng trên núi. Đời tu là một ân huệ của Chúa Thánh Thần ban “cho” Hội thánh, “vì” Hội thánh.

- Đời tu gắn chặt với ơn gọi của người Kitô hữu, là một lối thực thi những yêu sách của bí tích Rửa tội một cách triệt để hơn. Những người dấn thân vào nếp sống ấy lãnh nhận một hồng ân đặc biệt của Chúa, và nói được là họ được thánh hiến một lần nữa.

Công đồng Vatican II đã đánh dấu một mốc quan trọng trong việc canh tân Giáo hội, một cuộc canh tân bằng cách vừa trở về nguồn, vừa lưu ý tới những yêu sách của thời đại. Đời tu cũng nằm trong luồng canh tân của toàn thể Giáo hội: canh tân bằng việc trở về nguồn gốc của đời tu (bước theo Đức Kitô) và của mỗi hội dòng (ý định của đấng sáng lập), đồng thời thích nghi với hoàn cảnh hiện tại. Thực ra công đồng chỉ vạch ra những hướng đi, chứ chưa thể nào đạt tới đích điểm. Việc canh tân còn phải được tiếp tục không ngừng, bởi vì không những các hoàn cảnh xã hội không ngừng biến chuyển, nhưng nhất là vì cuộc canh tân nội tại (nhằm đạt tới đức ái trọn hảo) không bao giờ chấm dứt. Đó là lý do ra đời những văn kiện hậu công đồng. Chúng có thể được coi như những chỉ dẫn cho việc canh tân đời tu dưới nhiều phương diện: tinh thần, pháp chế, chiều kích chiêm niệm, hiệp thông huynh đệ, truyền giáo,… Bên cạnh những qui định thực tiễn có tính cách tạm thời, các văn kiện của công đồng Vatican II còn chứa đựng những đạo lý, nội dung thần học phong phú vượt thời gian, và luôn được các văn kiện hậu công đồng trích dẫn. Từ công đồng Vatican II, các văn kiện đều mang nặng tính chất thần học, tu đức, mục vụ, kể cả trong các văn bản pháp lý như bộ giáo luật (BGL). Các tu sĩ có thể tìm thấy nơi đây chất lượng cho những bài suy niệm, những khóa tĩnh tâm bồi dưỡng.

Ngoài ra, Vatican II cũng nói tới tu sĩ trong

- Hiến chế về Phụng vụ (SC), số 15- 18, 55, 57, 80, 95, 98, 99, 101, 111, 115

- Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hôm nay (GS), số 38, 43

- Hiến chế Tín lý về Mạc khải (DV), số 25

- Sắc lệnh về Tác vụ Linh mục (PO), số 6, 8- 9

- Sắc lệnh về Đào tạo Linh mục (OT), số 2, 19

- Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân (AA), số 21, 23, 25- 26

- Sắc lệnh về các Giáo hội Công giáo Đông phương (OE), số 6, 22

- Sắc lệnh về Hiệp nhất (UR), số 6, 10, 15

- Sắc lệnh về các Phương tiện Truyền thông Xã hội (IM), số 15, 20

- Tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo (GE), số 10

- Sắc lệnh về Chức vụ Giám mục, Christus Dominus (CD): số 32-35: Nói về việc hoạt động mục vụ của các tu sĩ trong giáo phận. Công đồng đặt ra những qui tắc cho mối liên hệ giữa Giám mục và tu sĩ. Những qui tắc này sẽ được khai triển trong văn kiện Mutuae Relationes, 1978, làm nền tảng cho các điều 678- 683 của BGL 1983.

- Sắc lệnh về truyền giáo, Ad Gentes (AG): số 15 (vai trò bất khả thay thế), số 18- 19 (phát huy đời tu ở các xứ truyền giáo), số 20 (lòng nhiệt thành của các tu sĩ), số 27 (các tu hội truyền giáo), số 32- 33 (hợp tác với Giáo hội địa phương trong hoạt động truyền giáo), số 40 (nhiệm vụ truyền giáo của các tu sĩ)

Như vậy, chỉ có 2/16 văn kiện của công đồng không nói về các tu sĩ , đó là: Tuyên ngôn về Liên lạc của Giáo hội với các Tôn giáo ngoài Kitô giáo (NA) và Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo (DH).

**II. Đức Phaolô VI (1963- 1978)**

Ngay sau khi bế mạc công đồng, mối quan tâm được đặt vào việc canh tân sửa đổi hiến pháp, trở về nguồn gốc của mỗi hội dòng. Công trình của Đức Phaolô VI là thực thi các quyết định của Công đồng. Nhiều Tự sắc được ban hành với giá trị nhất thời, nghĩa là cho đến khi có BGL mới. Chúng liên can đến nhiều vấn đề như duyệt lại hiến pháp, quyền hạn của các bề trên, tương quan với Giám mục, v. v. Tự sắc thường được nhắc đến là Ecclesiae Sanctae, 6/8/1966, quan tâm đến việc canh tân sửa đổi hiến pháp, việc đọc kinh thần vụ, tâm nguyện, việc khổ chế, khó nghèo, đời sống nội bộ, nội vi, huấn luyện, liên hiệp và bãi bỏ các dòng, hiệp hội các bề trên cao cấp, trở về nguồn gốc của mỗi hội dòng,... Từ khi BGL được ban hành (1983), những văn kiện này không còn giá trị nữa. Cũng vậy, huấn thị của Bộ tu sĩ về việc huấn luyện “Renovationis Causam” (1969) đã được thay thế bởi huấn thị “Potissimum Institutioni” (1990)

1. Evangelica Testificatio (ET), 29/6/1971: The Apostolic Exhortation on the Renewal of Religious Life (Tông huấn Chứng tá Tin Mừng): đáp lại những thách đố của thời đại. Khi bắt tay vào công cuộc canh tân, nhiều tu sĩ và hội dòng đã đâm ra hoang mang do dự, không rõ đâu là những giá trị nền tảng của đời tu và đâu là những yếu tố lỗi thời cần thay đổi. ET, với giọng văn đối thoại thân mật, muốn giải đáp cho vấn nạn đó.

Đức Phaolô VI ôn lại những giáo huấn của công đồng về đời tu và quảng diễn vài khía cạnh mà thời thế đặt lên, như trong việc sống khó nghèo, đời sống cộng đoàn,… Tông huấn trình bày những giá trị thần học của đời tận hiến nhìn dưới ánh sáng của Tin mừng, những qui tắc pháp lý hầu như hoàn toàn vắng bóng. Đức Giáo hoàng nhấn mạnh đến việc củng cố con người nội tâm, nguyên lý hợp nhất toàn thể cuộc sống (số 31- 34; 43- 45).

Ngoài nhập đề và kết luận, bố cục gồm có 4 phần:

Nhập đề: chứng tá Tin mừng giữa dân Chúa (số 1- 6)

1. Những hình thức tu trì: chiêm niệm, hoạt động tông đồ. Tất cả đều đòi hỏi phải kết hợp với Chúa (số 7- 12).

2. Những cam kết chính yếu: ba lời khấn khiết tịnh (số 13- 15), khó nghèo (số 16- 22) và vâng phục (số 23- 29).

3. Lối sống: chứng tá về đời sống nội tâm (số 30- 38) và huynh đệ (số 39- 41)

4. Việc canh tân và tăng trưởng thiêng liêng: cầu nguyện, thinh lặng, thông dự bí tích và tham gia vào sứ mạng của Giáo hội (số 42- 50).

Lời nhắn nhủ cuối cùng (số 51- 56)

2. Evangelii Nuntiandi, EN, 1975 (Tông huấn Loan Báo Tin Mừng): số 79

**III. Đức Gioan Phaolô II (1978- 2005)**

1. Vita Consecrata (VC), 25/3/1996: Post-Synodal Apostolic Exhortation (Tông huấn về Đời sống thánh hiến), là kết quả của THĐGM thế giới về chủ đề “Đời sống thánh hiến và sứ mệnh của đời sống này trong Giáo hội và trong thế giới”. VC đã đúc kết các văn kiện của Giáo hội, cũng như những suy tư thần học về đời sống thánh hiến từ công đồng Vatican II. Đặc biệt, tông huấn khai triển hai chiều kích thánh hiến và sứ mệnh của đời sống thánh hiến. Tông huấn đã nối kết và dung hòa hai ý niệm này. Hai ý niệm này bổ sung cho nhau, tạo nên căn tính của đời sống thánh hiến.

2. Tông huấn Redemptionis Donum (RD-Hồng ân cứu độ), 25/3/1984: đào sâu chiều hướng thần bí của sự tận hiến như là đời sống mới, đời sống giao ước.

Nhân dịp năm thánh mừng ơn cứu độ (1983- 1984, kỷ niệm 1950 năm biến cố Thập giá và Phục sinh), đức Gioan Phaolô II viết một tông thư cho các tu sĩ, trình bày mối liên hệ giữa sự tận hiến tu trì và mầu nhiệm Cứu chuộc. Với giọng văn của một bài suy niệm, Đức Giáo hoàng mời gọi các tu sĩ hãy khám phá những chiều kích thần bí sâu xa của việc tận hiến. Đó là một “giao ước tình yêu” với Chúa Cha, trong Đức Kitô, nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần (số 8). Qua giao ước đó, người tu sĩ chia sẻ với Chúa Cha và Đức Kitô mối ưu tư về việc cứu rỗi nhân loại và tham gia vào sứ mệnh tông đồ của Giáo hội. Việc tuyên giữ ba lời khuyên Phúc âm biểu lộ việc thông dự vào mầu nhiệm thập giá của Đức Kitô (số 10)

Bố cục văn kiện khá đơn giản. Có 7 chương (gồm cả nhập đề và kết luận), 17 số. Đức Giáo hoàng cho thấy ý nghĩa sâu xa của những yếu tố làm nên đời tận hiến: Ơn gọi (số 3- 6), tận hiến (số 7- 8), các lời khuyên Phúc âm (số 9- 13), lòng yêu mến Giáo hội qua việc làm chứng tá và hoạt động tông đồ (số 14- 15).

3. Novo Millennio Ineunte: Apostolic Letter to the Bishops, Clergy and Lay Faithful at the Close of the great Jubilee of the Year 2000 (Tông thư Bước vào Ngàn năm mới).

4. Redemptoris Missio, RM, 1990 (thông điệp Sứ vụ Đấng Cứu Chuộc): số 69- 70.

5. Ecclesia in Asia, EA, số 44

6. Redemptor Hominis: Thông điệp Đấng Cứu độ con người

7. Thư gởi các người tận hiến nhân dịp Năm Thánh Mẫu (22/5/1988): mang hình thức một bài suy niệm (chứ không phải là một văn kiện đạo lý) với Đức Maria về ý nghĩa đời sống thánh hiến, dựa theo ba ý niệm: ơn gọi, thánh hiến và hoạt động tông đồ. Ba điểm này được liên kết với ba mầu nhiệm: Truyền tin, Vượt qua, Hiện xuống. Đức Giáo hoàng mời gọi những người tận hiến nhìn lên đức Maria như mẫu gương của việc đáp lại tiếng Chúa gọi để tham gia vào sứ mệnh cứu độ của Đức Kitô. Nói đúng ra, phần lớn bức thư lặp lại tư tưởng của tông huấn “Hồng ân cứu độ”, nhấn mạnh đến việc thông dự vào mầu nhiệm Vượt qua của Đức Kitô qua việc “tiềm tàng”[3] với Ngài. Về vai trò của đức Maria đối với đời tận hiến, thiết tưởng thông điệp “Thân mẫu Đấng cứu chuộc” (Redemptoris Mater), 1987, nói rộng hơn. Ngoài ra, cũng nhân dịp năm Thánh mẫu, đức Gioan Phaolô II còn viết tông thư “Phẩm giá người phụ nữ” (Mulieris Dignitatem), trong đó mối tương quan giữa đức Maria với các nữ tu được nhắc tới ở số 46. (Cf. Toàn bộ bản văn trong “Thời sự Thần học”, số 8, 6/97, p. 64…)

**IV. Bộ Phụng tự**

Hai quyển Nghi thức khấn dòng (1970) và Nghi thức Thánh hiến Trinh nữ (Ordo Consecrationis Virginum- OCV, 1970) nói đến thần học về đời tu. Nghi thức này chỉ có tính cách kiểu mẫu chung, mỗi hội dòng sẽ dựa vào đó để soạn nghi thức riêng cho mình. Xem trích dẫn các lời nguyện thánh hiến với nội dung thần học phong phú của chúng trong Văn kiện đời tu- Theo Chúa Kitô, 2002, p.575.

**V. Bộ Tu sĩ (Bộ các hội dòng/tu hội tận hiến và tu đoàn tông đồ- Congregation for Institutes of Consecrated Life and Societies of Apostolic Life)**

Những văn kiện của Bộ tu sĩ thường mang tính cách chấp hành thực tiễn, tức hướng dẫn thi hành một số sắc lệnh, điều luật và chỉ thị của quyền giáo huấn Hội thánh. Tuy nhiên, nhiều khi khía cạnh thần học, đạo lý cũng được đào sâu dưới nhiều góc độ.

1. Văn kiện Mutuae Relationes, 14/5/1978 (MR- Mối tương quan giữa các Giám mục với các tu sĩ) do Bộ tu sĩ và Bộ Giám mục ban hành: Những qui tắc cho mối liên hệ giữa Giám mục và tu sĩ. Những qui tắc này làm nền tảng cho các điều 678- 683 của BGL 1983. Văn kiện này cũng nói về việc các hội dòng phải cố gắng khám phá ra đặc sủng của mình, vị trí giữa lòng Giáo hội.

Văn kiện này không phải là một “huấn thị” (instruction) theo nghĩa pháp lý, nhưng chỉ đề ra những “chỉ dẫn” (directives) cho Giám mục và tu sĩ trong các mối liên hệ hỗ tương. Từ sau công đồng Vatican II, các tu sĩ ngày càng tham gia vào công tác mục vụ tại giáo xứ hay giáo phận. Những “đụng chạm” không thể nào tránh được. Một đàng các Giám mục muốn các hội dòng hoạt động trong giáo phận phải tuân theo một kế hoạch mục vụ chung cho toàn giáo phận, với nguy cơ là không đếm xỉa tới những đặc sủng khác biệt của các hội dòng. Đối lại, các hội dòng muốn bảo vệ đặc sủng của mình kể cả trong lãnh vực hoạt động tông đồ, với nguy cơ không cần biết gì về những kế hoạch mục vụ của Giáo hội địa phương. Làm sao dung hòa được cả hai yêu sách này?

Văn kiện muốn đưa ra những hướng dẫn về lý thuyết (phần I) cũng như về thực hành (phần II). Phần I gồm những tư tưởng thần học quan trọng như Giáo hội địa phương (số 18), sứ vụ của Giám mục (số 6- 7), sự hiệp thông trong Giáo hội (số 2, 5), đặc sủng của các hội dòng (số 11- 12, 51), sứ vụ của các bề trên (số 13). Phần II đưa ra những hướng dẫn trong 3 phạm vi: huấn luyện, hoạt động, phối hợp.

Nhập đề kể lại nguồn gốc lai lịch của văn kiện, được thành hình sau hơn 2 năm tham khảo, với sự đóng góp của Bộ Giám mục và Bộ Tu sĩ, cũng như các Hội đồng Giám mục và hiệp hội các bề trên. Văn kiện nói trực tiếp đến các dòng tu và các tu đoàn tông đồ; các tu hội đời không được nói đến cách minh nhiên, trừ khi có liên hệ đến những nguyên tắc tổng quát về đời sống thánh hiến (PC 11) và sự đóng góp của các tu hội ấy trong các Giáo hội địa phương (CD 33).

Phần I: Vài yếu tố đạo lý

Chương 1: Giáo hội với tư cách là dân “mới” (số 1- 4)

Chương 2: Thừa tác vụ của các Giám mục trong sự hiệp thông hữu cơ của Giáo hội (số 5- 9)

Chương 3: Đời tu trong sự hiệp thông Giáo hội (số 10- 14)

Chương 4: Các Giám mục và các tu sĩ quan tâm tới sứ mệnh duy nhất của dân Thiên Chúa (số 15- 23)

Phần II: Những chỉ dẫn và qui tắc (số 24- 67)

Chương 5: Một vài thỉnh nguyện liên quan đến khía cạnh huấn luyện (số 24- 35)

Chương 6: Dấn thân và trách nhiệm trong môi trường hoạt động (số 36- 51)

Chương 7: Tầm quan trọng của một sự phối hợp thích đáng (số 52- 67)

**Kết luận**

2. Văn kiện Chiều kích chiêm niệm của đời tu (The Contemplative Dimension of Religious Life- CDRL), 1980: đời sống nội tâm là căn bản của đời tận hiến (Đức Gioan Phaolô II còn đào sâu chiều hướng thần bí của sự tận hiến như là đời sống mới, đời sống giao ước trong tông thư Redemptionis Donum-Hồng ân cứu độ).

Trước đây, sự chiêm niệm được coi như chỉ dành cho những người ưu tuyển (theo thánh Teresa Avila, sự cầu nguyện chiêm niệm là một cấp cao của đường trọn lành) hoặc là ơn gọi riêng của các nữ tu kín (dòng chiêm niệm, đối lại với dòng hoạt động). Văn kiện này muốn sửa lại quan niệm ấy khi nhắc nhở rằng tất cả các tu sĩ đều phải gắng sống đời chiêm niệm. Văn kiện mô tả sự chiêm niệm như là cố gắng gắn chặt cặp mắt và con tim vào Thiên Chúa. Nó là thái độ thờ lạy cách khiêm tốn và liên lỉ Thiên Chúa hiện diện trong mọi người, trong các biến cố và trong các sự vật. Đời sống chiêm niệm chính là đời sống của đức tin, cậy, mến, đáp lại Thiên Chúa thông ban mình cho con người bằng việc thông hiệp với Chúa Cha nhờ Đức Kitô trong Thánh linh (số 1).

Nhập đề: văn kiện cho biết lý do và hoàn cảnh soạn thảo

Bố cục gồm 3 phần (30 số)

Phần I: phác họa chiều kích chiêm niệm (số 1- 3); trong đó, số 1 định nghĩa về chiêm niệm.

Phần II: chiều kích chiêm niệm dành cho các dòng hoạt động tông đồ (số 4- 23). Sau khi trình bày mối liên hệ chặt chẽ giữa chiêm niệm và hoạt động, văn kiện điểm qua những phương thế nuôi dưỡng việc chiêm niệm: Lời Chúa, Thánh Thể, bí tích sám hối, việc linh hướng, phụng vụ giờ kinh, việc tôn kính đức Maria, khổ chế. Hơn nữa, chiều kích chiêm niệm cần được vun trồng trong đời sống cộng đoàn và việc huấn luyện.

Phần III: dành cho các dòng chuyên về chiêm niệm (số 24- 29)

Hai Văn kiệnTu sĩ với sự thăng tiến con người và Chiều kích chiêm niệm của đời tuđược ban hành cùng ngày 12/8/1980, tuy thời gian soạn thảo cách nhau 2 năm. Văn kiệnTu sĩ với sự thăng tiến con ngườilà kết quả của phiên họp khoáng đại của Bộ Tu sĩ ngày 25- 28/4/1978; còn Văn kiệnChiều kích chiêm niệm của đời tulàđề tài của phiên họp năm 1980 (4- 7/4). Đức Gioan Phaolô II đã muốn ban hành cả hai văn kiện cùng một ngày để nêu bật sự bổ sung hỗ tương của chúng: hoạt động và chiêm niệm phải gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau.

3. Văn kiện Tu sĩ với sự thăng tiến con người (Religious and Human Promotion- RHP), 1980, nói về việc tu sĩ tham gia vào sứ mệnh của Giáo hội đối với con người và xã hội.

Văn kiện này dựa trên quan điểm của công đồng Vatican II về sứ mệnh của Giáo hội đối với con người (GS), cũng như của THĐGM 1971 về công bằng xã hội và những thông điệp “Populorum Progressio” (1967), “Redemptor Homonis” (1979). Các tu sĩ là những người tiên phong tham gia vào sứ mệnh đó. Văn kiện muốn khuyến khích họ trong việc dấn thân phục vụ và đồng thời đề ra những tiêu chuẩn để phân định, ngõ hầu họ ý thức rõ rệt hơn về ý nghĩa của việc dấn thân: họ là những người loan Tin mừng của Đức Kitô, chứ không phải là những nhà cách mạng chính trị. Công cuộc đấu tranh cho công bằng xã hội đòi hỏi phải sử dụng những phương tiện hợp pháp như qua các nghiệp đoàn, các đảng phái chính trị. Các tu sĩ có thể tham gia vào các nghiệp đoàn để liên đới với các công nhân trong việc tranh đấu cho các quyền lợi chính đáng. Tuy nhiên, họ cần cảnh giác để khỏi rơi vào sự chi phối của một đảng phái chính trị nào đó. Đối với việc tham gia vào chính trị:

- Hiểu theo nghĩa rộng: chính trị có nghĩa là sự tổ chức năng động các guồng máy xã hội; theo nghĩa này, các tu sĩ có nghĩa vụ và quyền lợi tham gia như các công dân khác, vào những cơ quan có thể thăng tiến nếp sống văn hóa và xã hội của đồng bào.

- Hiểu theo nghĩa hẹp: nghĩa là đảng phái chính trị, thì các tu sĩ cần phải thận trọng. Họ có thể rơi vào ảo tưởng cho rằng tham gia vào đảng phái sẽ đóng góp cho sự cải tiến xã hội. Các tu sĩ có ơn gọi và có những phương tiện khác để thăng tiến con người, xã hội. Thí dụ qua giáo dục, cải tiến điều kiện phụ nữ,…

Tóm lại, trong việc lựa chọn các hình thức dấn thân tranh đấu cho công bằng xã hội, các tu sĩ phải thận trọng và cảnh giác. Họ cần trung thành với Phúc âm, với ơn gọi đời tu nói chung và ơn gọi của hội dòng nói riêng, cũng như duy trì sự hiệp thông với Giáo hội và với những hàng ngũ khác nhau trong Giáo hội.

Bố cục gồm có 3 phần (35 số)

Phần I (số 1- 12): Trình bày 4 vấn đề đã được nêu lên tại phiên họp khoáng đại:

1. Việc lựa chọn đứng về phía người nghèo và công lý

2. Những hoạt động xã hội của các tu sĩ

3. Hội nhập vào thế giới lao động

4. Dấn thân vào các cơ cấu chính tri

Phần II (số 13- 31): Bốn tiêu chuẩn phân định trung thành với

1. Con người và thời đại

2. Đức Kitô và Tin mừng

3. Giáo hội

4. Đời tu và hội dòng

(Bốn tiêu chuẩn này được lặp lại ở PI 18; VC 110)

Phần III (số 32- 35): rút ra những hệ luận cho việc huấn luyện

4. Văn kiện Những yếu tố cốt yếu của đời tu(EE), 1983, ra đời 4 tháng sau khi ban hành BGL. Tóm lại giáo huấn của Hội thánh về đời sống thánh hiến.

Lai lịch của nó lúc đầu rất hạn chế: vào năm 1983, Đức Giáo hoàng cử một Ủy ban Giám mục Hoa kỳ để thanh tra về tình hình các dòng tu tại quốc gia này. Nhằm cung cấp tài liệu cho Ủy ban, ngài đã yêu cầu Bộ tu sĩ soạn thảo một văn bản tóm tắt những giáo huấn của Giáo hội về các hội dòng chuyên hoạt động tông đồ. Tuy ra đời trong hoàn cảnh lịch sử riêng biệt như vậy, nhưng văn kiện này chứa đựng nội dung áp dụng được cho tất cả các tu sĩ trên thế giới nữa. Lần đầu tiên, một văn kiện nêu rõ những yếu tố làm nên căn tính của đời tu. Sau công đồng, các hội dòng bắt đầu thử nghiệm lối sống mới và nhiều khi đã đi quá xa. Trong phần nhập đề, văn kiện khẳng định: “Hiện nay, thời kỳ thử nghiệm mà tự sắc Ecclesiae Sanctae đòi hỏi đã chấm dứt, nhiều hội dòng chuyên lo việc tông đồ bắt đầu kiểm lại việc thử nghiệm của mình.” (số 2). Chính vì thế, Thánh bộ thấy cần phải xác định rõ đâu là những yếu tố bất biến, khác biệt với những yếu tố phụ tùy vốn có thể thay đổi theo thời gian và nơi chốn: “Hội thánh coi một số thành tố thiết yếu với đời tu: tiếng Chúa mời gọi, sự thánh hiến qua việc công khai tuyên khấn giữ các lời khuyên Phúc âm, một hình thức đời sống cộng đoàn ổn định. Đối với các hội dòng chuyên lo việc tông đồ, văn kiện còn thêm: việc tham dự vào sứ vụ của Đức Kitô bằng hoạt động tông đồ có tính cách cộng đoàn, và trung thành với đặc sủng của hội dòng cũng như của các truyền thống lành mạnh. Ngoài ra, những yếu tố sau đây cũng là cốt yếu: cầu nguyện cá nhân và cộng đoàn, khổ chế, chứng tá công khai, mối quan hệ đặc biệt với Hội thánh, huấn luyện trường kỳ và hình thức quản trị đòi hỏi một quyền bính dựa trên đức tin. Đây là những yếu tố cốt yếu, cần phải để ý khi canh tân đời tu. Không có những yếu tố này, đời tu sẽ mất đi cả căn tính của mình.” (số 4).

Sau nhập đề giới thiệu nội dung, văn kiện được chia làm 3 phần

Phần I: trình bày bản chất thần học của đời tu (số 5- 12). Đây là lần đầu tiên, trong các văn kiện của Tòa thánh, khái niệm về “thánh hiến” được phân tích tỉ mỉ dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Sự thánh hiến bắt nguồn từ sáng kiến của Thiên Chúa và được con người đón nhận với giao ước tình yêu. Qua bí tích Thánh tẩy, người tín hữu thông dự vào sự thánh hiến của Đức Kitô. Các tu sĩ nhận được ơn thánh hiến đặc biệt nữa để đi theo sát Đức Kitô. Công đồng muốn xác định căn tính riêng biệt của đời tu bằng cách nêu lên lý tưởng “bước theo Đức Kitô”. Tuy nhiên, việc bước theo Đức Kitô chưa nói hết căn tính của đời tu, vì mọi Kitô hữu đều được mời gọi noi gương Đức Kitô. Do đó, ta có thể xác định thêm, tu sĩ là người theo Đức Kitô cách tận căn, cách gần kề. Nhưng Đức Kitô đã hiến trọn cuộc đời để yêu mến Thiên Chúa bằng việc phụng sự Thiên Chúa và cứu độ nhân loại. Như vậy, lý tưởng của đời tu là bắt chước Đức Kitô trong sự tận hiến (x. số 6). Chính vì vậy mà các văn kiện của Tòa thánh cũng như thần học dần dần tiến đến việc trình bày yếu tính của đời tu qua tiếng thánh hiến/tận hiến (consecration). Ngoài ra, sự thánh hiến của các tu sĩ mang tính cách công khai trong Giáo hội, qua việc tuyên khấn trong một hội dòng. Tựa đề phần I này trình bày đời tu như một hình thức đặc biệt để tận hiến cho Thiên Chúa. Bởi lẽ, sự thánh hiến là nền tảng của đời tu (x. số 5). BGL 1983 đã tiếp nhận đường hướng đó và trình bày các chiều kích của sự thánh hiến ở điều 573 §1 (qui tắc chung cho tất cả các hội dòng tận hiến). Trong điều khoản này, chúng ta thấy mối tương quan giữa Ba Ngôi và đời sống tận hiến.

Phần II: Liệt kê 10 yếu tố cốt yếu của đời tu (số 13- 53):

1. Thánh hiến bằng những lời khấn công

2. Hiệp thông trong cộng đoàn

3. Sứ vụ làm tông đồ

4. Cầu nguyện

5. Khổ chế

6. Chứng tá công khai

7. Tương quan với Hội thánh

8. Việc huấn luyện

9. Việc quản trị

10. Đức Maria

Phần III: tóm tắt vài qui tắc giáo luật về các dòng tu, theo thứ tự đánh số mới (1- 49), chung quanh 11 điểm:

1. Ơn gọi và thánh hiến

2. Cộng đoàn

3. Chân tính

4. Khiết tịnh

5. Khó nghèo

6. vâng lời

7. Cầu nguyện và khổ chế

8. Việc tông đồ

9. Chứng tá

10. Huấn luyện

11. quản trị

5. Về việc đào tạo tu sĩ: Potissimum Institutioni (PI), 1990: huấn thị nhằm hướng dẫn việc áp dụng những qui định của giáo luật về việc đào tạo trong các dòng tu.

Các văn kiện của công đồng Vatican II và sau công đồng đã nhiều lần nói đến việc đào tạo các tu sĩ. Những chỉ dẫn qúi báu đó nay được trình bày một cách có hệ thống dưới hình thức của một “Huấn thị” theo nghĩa của điều 34 BGL. Thực ra, Bộ tu sĩ đã bắt tay vào việc soạn thảo văn kiện này từ năm 1969 qua những cuộc tham khảo sâu rộng, nhưng phải chờ cho đến khi ban hành BGL thì mới thành hình rõ rệt hơn. Huấn thị nhắm trực tiếp tới các dòng tu (chứ không phải các tu hội đời và tu đoàn tông đồ).

Văn kiện gồm 110 số, được chia thành 6 chương, có thể gom lại trong 2 phần chính:

Phần I: bàn về những yếu tố căn bản tổng quát

Chương 1: Thánh hiến và huấn luyện (số 6- 18). Nhắc lại đạo lý về sự thánh hiến qua việc tuyên giữ ba lời khuyên Phúc âm. Văn kiện lưu ý tới tính cách sư phạm giáo dục trong thực hành các lời khấn, cũng như mối tương quan giữa thánh hiến và sứ mạng.

Chương 2: Những khía cạnh chung cho tất cả các giai đoạn đào tạo (số 19- 41). Sau khi đã trình bày các tác nhân và môi trường đào tạo (Chúa Thánh Thần, đức Maria, Giáo hội, cộng đoàn, chính người tu sĩ và các người huấn luyện), văn kiện nói tới 3 yêu sách hiện đại:

1. Nền tảng nhân bản và Kitô hữu (số 33- 35)

2. Khổ chế (số 36- 38)

3. Giáo dục giới tính (số 39- 41)

Chương 3: Những giai đoạn đào tạo (số 42- 71). Gồm 4 giai đoạn:

1. Tiền tập (số 42- 44)

2. Tập viện (số 45- 57)

3. Khấn tạm (số 58- 65)

4. Khấn trọn đời và thường huấn (số 66- 71)

Phần II: Xét đến vài khía cạnh đặc biệt

Chương 4: Việc đào tạo trong các dòng kín (số 72- 85)

Chương 5: Một số vấn đề riêng được nêu lên cho việc đào tạo:

1. Các thanh niên thời nay đứng trước ơn gọi đời tu (số 86- 89)

2. Đào tạo và văn hóa (số 90- 91)

3. Những người vừa là thành viên của một phong trào, vừa là phần tử của dòng tu (số 92- 93)

4. Tác vụ Giám mục và đời tu (số 94- 97)

5. Sự hợp tác liên dòng trong việc đào tạo (số 98- 100)

Chương 6: Việc đào tạo các ứng sinh tiến lên chức linh mục và phó tế (số 101- 109).

6. Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn: Vita Fraterna in Communitate (FLC), 2/2/1994

Văn kiện này được giới thiệu như là một huấn thị, ra đời vài tháng trước khi khai mạc THĐGM về đời sống thánh hiến. Có lẽ nó được soạn thảo trước khi Đức Giáo hoàng chỉ định đề tài cho THĐ. Phiên họp khoáng đại của Bộ tu sĩ năm 1992 đã được dành để thảo luận đề tài này và đúc kết thành văn kiện. Thực ra, chiều kích cộng đoàn của đời tu đã được nói tới ở nhiều văn kiện từ công đồng Vatican II như PC 15; ET 39- 41; EE 18- 22; PI 26- 28. Huấn thị này trình bày vấn đề có hệ thống mạch lạc hơn, với những khó khăn được đặt ra do tình thế mới. Những hoàn cảnh đó được nhắc tới trong nhập đề (số 1- 7): sự tiến triển thần học, sự tiến triển trong giáo luật, phát triển trong xã hội, biến chuyển trong đời tu trì.

Bố cục của văn kiện được chia thành 3 chương (71 số), dựa theo mô hình về Giáo hội nhìn từ ba khía cạnh mầu nhiệm, hiệp thông và sứ vụ.

Chương I (số 8- 10): trình bày cộng đoàn như là một “hồng ân” của Chúa, bắt nguồn từ mầu nhiệm Ba Ngôi chí thánh.

Chương II (số 11- 57): nhìn cộng đoàn dưới khía cạnh “hiệp thông”. Những yếu tố xây dựng cộng đoàn là linh đạo và cầu nguyện chung, tình yêu, các nhân đức, sự từ bỏ mình, gặp gỡ chia sẻ. Mặt khác, cộng đoàn cũng là trường xây dựng đào tạo tình cảm, huấn luyện ba lời khuyên Phúc âm. Dù sao, vai trò của quyền bính không thể nào thiếu trong việc kiến tạo cộng đoàn.

Chương III (số 58- 70): bàn đến cộng đoàn như là địa điểm và chủ thể thi hành “sứ mệnh”, cách riêng xét tới vài khó khăn cho đời sống cộng đoàn, gây ra bởi việc tham gia các công tác tông đồ bên ngoài.

Những tư tưởng thường được nhắc tới hơn cả trong văn kiện là hiệp thông, tình huynh đệ.

Các văn kiện sau công đồng nói tới thần học về đời sống thánh hiến, cách riêng hai văn kiện Tông huấn Chứng tá Tin Mừng và Hồng ân cứu độ đã đào sâu thêm những chiều kích thần học về đời tu, như: về chiều kích đối thần, đức Gioan Phaolô II đã ví sự tận hiến như “giao ước hôn nhân với Chúa” (RD 8); về chiều kích Kitô, các văn kiện không chỉ nhắc lại những tư tưởng công đồng về việc theo chân Đức Kitô khiết tịnh, khó nghèo, vâng phục, mà còn đào sâu thêm những tâm tình nội tại của Ngài (sự suy phục Thiên Chúa, sự hy sinh tự hủy, …), cũng như sự đóng góp vào chương trình cứu rỗi nhân loại; về chiều kích Thánh linh, các văn kiện sau công đồng khai triển ý niệm “đặc sủng” của đời sống thánh hiến trong Hội thánh, cũng như đặc sủng của các đấng sáng lập; ngoài ra còn có chiều kích Thánh mẫu học nữa: đức Maria vừa là khuôn mẫu của sự tận hiến cho Thiên Chúa, vừa là người bầu cử cho những tâm hồn tận hiến (cf. P.T. Thành, tập 3, p. 426- 427); sau cùng là các chiều kích Giáo hội và truyền giáo.

7. Huấn thị Xuất Phát Lại Từ Đức Kitô (Starting Afresh From Christ: A Renewed Commitment to Consecrated Life in the Third Millennium- SAFC), 19/5/2002, về việc canh tân cam kết dấn thân của đời sống thánh hiến vào thiên niên kỷ thứ ba. Đây là thành quả của Hội nghị nhóm họp từ ngày 25 đến 28 tháng 9 năm 2001 của Thánh bộ.

Hội nghị nhắm 2 mục đích:

- kỷ niệm 5 năm ban hành Tông huấn Hậu Thượng Hội Đồng Đời sống Thánh hiến và duyệt xét hiệu quả do việc đón nhận và thực thi tông huấn của các cộng đoàn, tu hội và Giáo hội địa phương;

- giúp biện phân nhằm bảo vệ ơn gọi đời sống thánh hiến và nâng đỡ sự chọn lựa dũng cảm làm chứng cho Tin Mừng trong Ngàn năm mới.

Mục tiêu của Huấn thị là giúp Đời sống thánh hiến canh tân cam kết sống thánh thiện và tập trung vào linh đạo, theo đường hướng mục vụ của Đức Thánh cha được diễn tả trong Tông thư Bước vào Ngàn năm mới.

Đường hướng mục vụ được vạch ra trong Tông thư là “Chèo ra chỗ sâu mà thả lưới” “Duc in altum!” (Lc 5,4), bằng cách:

\* Chiêm ngưỡng khuôn mặt Đức Ki-tô,

\* xuất phát lại từ Người,

\* làm chứng cho Tình yêu của Người.

Người tu sĩ được Chúa Thánh Thần mời gọi hoán cải không ngừng để chiều kích ngôn sứ của ơn gọi mang lấy một sinh lực mới. Thật vậy, khi họ “được mời gọi dâng hiến cuộc đời để phụng sự Nước Thiên Chúa, bằng cách từ bỏ mọi sự và noi gương nếp sống của Chúa Giê-su Ki-tô sát hơn, họ đảm nhận vai trò cao cả là giáo dục toàn thể Dân Thiên Chúa”.

“Giáo hội đặt kỳ vọng nơi sự dâng hiến liên tục của đoàn con cái nam nữ được tuyển chọn, niềm khao khát nên thánh và lòng nhiệt thành phục vụ nhằm cổ võ và nâng đỡ nỗ lực sống thánh thiện nơi mọi ki-tô hữu, và nhằm gia tăng việc tiếp đón người thân cận, nhất là những người túng thiếu. Làm như thế, tình yêu Chúa Ki-tô sẽ được chứng thực giữa mọi người”.

Thế giới hôm nay đang chờ mong các người thánh hiến phản ánh cụ thể cách thức hành động của Đức Giê-su, tình yêu Người dành cho mỗi người không phân biệt và hạn chế.

Huấn thị giới thiệu một vài chủ đề căn bản đã được đề cập trong Tông Huấn Đời Sống Thánh Hiến:

• Đức Ki-tô, trung tâm đời sống mọi Ki-tô hữu;

• thực hành mục vụ và giáo huấn về sự thánh thiện,

• nhu cầu phổ biến về linh đạo và cầu nguyện thể hiện chính yếu qua việc chiêm ngưỡng và lắng nghe Lời Thiên Chúa, tác dụng không thể thay thế của đời sống bí tích,

• linh đạo hiệp thông

• và chứng tá Tình yêu được diễn tả qua các hình thức bác ái mới đối với những ai đau khổ, đối với một thế giới bị thương tổn và nô lệ cho hận thù, và qua tinh thần đại kết và đối thoại liên tôn.

Huấn thị được phân chia thành 4 phần:

Phần I: căn tính và hoạt đông của đời sống thánh hiến.

Phần II: những khó khăn, thử thách và thách đố mà những người tận hiến hôm nay đang trải qua. Đó là một thời cơ mới để khám phá lại một cách sâu xa hơn ý nghĩa và phẩm chất của đời sống thánh hiến.

Phần III: Thách đố lớn nhất là một sự dấn thân mới trong đời sống thiêng liêng, bằng cách xuất phát lại từ Đức Ki-tô qua việc gắn bó với Tin Mừng và sống linh đạo hiệp thông theo một cách thức duy nhất.

Phần IV: Người thánh hiến đi trên các nẻo đường của thế giới, nơi Đức Ki-tô đã đi qua và hôm nay vẫn còn hiện diện, nơi Giáo hội công bố Người như là Đấng Cứu tinh của thế giới, nơi sự sống Ba Ngôi toả lan sự hiệp thông trong một sứ mạng mới.

*http://www.betrenthuongcap.net*